

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2024

“V/v Kiện xin ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 866/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Kiện xin ly hôn và con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 18/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số A Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn:** Ông Lê Vũ H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Tôi và ông Lê Vũ H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/7/2017.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nên tôi xin được ly hôn với ông **Lê Vũ H.**

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu **Lê Hải A**, sinh ngày 06/5/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng với tôi.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông **Lê Vũ H** cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Lê Vũ H** theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng ông **Lê Vũ H** đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTWQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà **Lê Thị L**. Bà **Lê Thị L** được ly hôn với ông **Lê Vũ H**.

Về con chung: Giao cháu **Lê Hải A**, sinh ngày 06/5/2019 cho bà **Lê Thị L** được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà **Lê Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện xin ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/7/2017, bà Lê Thị L và ông Lê Vũ H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra bà Lê Thị L xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên đã sống ly thân nhau. Do đó bà Lê Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Vũ H.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng bà Lê Thị L và ông Lê Vũ H có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, nay bà Lê Thị L xin được ly hôn với ông Lê Vũ H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng bà Lê Thị L và ông Lê Vũ H không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của bà Lê Thị L xin ly hôn với ông Lê Vũ H là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Vũ H có 01 con chung là cháu Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2019 hiện đang ở với bà L do đó cần chấp nhận bà Lê Thị L nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Vũ H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị L. Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Vũ H

Về con chung: Giao cháu Lê Hải A, sinh ngày 06/5/2019 cho bà Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004808 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên